



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Số 38

(Ngày 01 tháng 6 năm 2011)

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

19-5-2011 -	Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh.	3
19-5-2011 -	Quyết định số 29/2011/QĐ-UBND về hủy bỏ một phần Quyết định số 54/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh.	13
19-5-2011 -	Quyết định số 30/2011/QĐ-UBND về chế độ hỗ trợ hoạt động cho các di tích và trợ cấp thường xuyên cho cán bộ, viên chức bảo tàng, thư viện.	15
20-5-2011 -	Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND về thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	17

- 20-5-2011 - Chỉ thị số 18/2011/CT-UBND về việc triển khai thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 19
- 21-5-2011 - Chỉ thị số 19/2011/CT-UBND về triển khai các biện pháp phòng, chống, ứng phó các sự cố có thể xảy ra trong mùa mưa bão năm 2011 trên địa bàn thành phố. 23

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

- 12-01-2011 - Chỉ thị số 02/2011/CT-UBND về thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng năm 2011. 26

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- 11-5-2011 - Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ. 30
- 11-5-2011 - Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND về ban hành Đề án Cải thiện và xử lý ô nhiễm môi trường tại một số khu vực trọng điểm trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015. 42

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị
tại thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 897/TTr-SQHKT ngày 06 tháng 4 năm 2011 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1179/STP-VB ngày 23 tháng 3 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 84/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy trình điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định các trường hợp điều chỉnh các loại đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng đã được phê duyệt (trong Quy định này được gọi chung là đồ án quy hoạch đô thị) và công bố tại thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm:

a) Đồ án quy hoạch chung xây dựng quận, huyện; đồ án quy hoạch chung thị trấn, các khu đô thị mới và các khu chức năng đô thị;

b) Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500), thiết kế đô thị riêng.

2. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến công tác điều chỉnh các đồ án quy hoạch đô thị, phải tuân thủ Quy định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương II CÁC TRƯỜNG HỢP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐÔ THỊ

Điều 2. Điều kiện điều chỉnh quy hoạch đô thị

Quy hoạch đô thị chỉ được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau:

1. Có sự điều chỉnh về chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, quốc phòng, an ninh; định hướng quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị quốc gia, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị cấp trên và địa giới hành chính làm ảnh hưởng lớn đến tính chất, chức năng, quy mô của đô thị hoặc khu vực lập quy hoạch;

2. Hình thành các dự án trọng điểm có ý nghĩa quốc gia làm ảnh hưởng lớn đến sử dụng đất, môi trường, bố cục không gian kiến trúc đô thị;

3. Quy hoạch đô thị không thực hiện được hoặc việc triển khai thực hiện gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và môi trường sinh thái, di tích lịch sử, văn hóa được xác định thông qua rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch đô thị và ý kiến cộng đồng;

4. Có sự biến động về điều kiện khí hậu, địa chất, thủy văn;

5. Phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng.

Điều 3. Nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch đô thị

1. Tập trung vào nội dung cần điều chỉnh, nội dung không điều chỉnh của đồ án đã phê duyệt vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

2. Việc điều chỉnh phải trên cơ sở phân tích, đánh giá hiện trạng, xác định rõ các yêu cầu cải tạo, chỉnh trang đô thị để đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu về sử dụng đất, giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng khu vực; giải pháp về cải tạo mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình hạ tầng xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển.

Điều 4. Các loại điều chỉnh quy hoạch đô thị

1. Điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị được quy định như sau:

a) Điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị được tiến hành khi tính chất, chức năng, quy mô của đô thị, của khu vực lập quy hoạch chi tiết thay đổi hoặc nội dung dự kiến điều chỉnh làm thay đổi cơ cấu, định hướng phát triển chung của đô thị; tính chất, chức năng, quy mô và các giải pháp quy hoạch chính của khu vực lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 và quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500);

b) Điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị phải bảo đảm đáp ứng được yêu cầu thực tế, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển của đô thị trong tương lai, nâng cao chất lượng môi trường sống, cơ sở hạ tầng và cảnh quan đô thị; bảo đảm tính kế thừa, không ảnh hưởng lớn đến các dự án đầu tư đang triển khai.

2. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị được quy định như sau:

a) Điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị được tiến hành khi nội dung dự kiến điều

chính không ảnh hưởng lớn đến tính chất, ranh giới, định hướng phát triển chung của đô thị; tính chất, chức năng, quy mô và các giải pháp quy hoạch chính của khu vực lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 hoặc quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500);

b) Điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị phải xác định rõ phạm vi, mức độ, nội dung điều chỉnh; bảo đảm tính liên tục, đồng bộ của quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 hoặc quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) hiện có trên cơ sở phân tích, làm rõ các nguyên nhân dẫn đến việc phải điều chỉnh; hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh; các giải pháp khắc phục những phát sinh do điều chỉnh quy hoạch.

c) Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được tiến hành khi tổ chức thực hiện quy hoạch mà các dự án đầu tư xây dựng làm thay đổi chức năng sử dụng đất hoặc làm tăng, giảm chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị (mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao xây dựng tối đa, tối thiểu), quy mô dân số cục bộ hoặc thay đổi mô hình ở trên một hoặc một số ô phố trong đồ án nhưng bảo đảm khả năng cung cấp hạ tầng kỹ thuật, quy mô sử dụng đất và bán kính phục vụ của các công trình hạ tầng xã hội.

3. Điều chỉnh đối với một lô đất trong khu vực quy hoạch:

a) Trường hợp cần phải điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung hoặc công trình riêng lẻ trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) đã được phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào Quy chuẩn về quy hoạch đô thị; điều kiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của đô thị hoặc khu vực, Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị để quyết định việc điều chỉnh thông qua việc cấp giấy phép quy hoạch theo Luật Quy hoạch đô thị, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về cấp giấy phép quy hoạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

b) Việc điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị của lô đất phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến tính chất, không gian kiến trúc, cảnh quan, môi trường và khả năng cung cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của đô thị và khu vực.

Chương III
TỔ CHỨC RÀ SOÁT, LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐÔ THỊ

Điều 5. Rà soát quy hoạch đô thị

1. Quy hoạch đô thị phải được định kỳ xem xét, rà soát, đánh giá quá trình thực hiện để kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn. Thời hạn rà soát định kỳ đối với quy hoạch chung và quy hoạch phân khu là 5 năm, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 và quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) là 3 năm, kể từ ngày quy hoạch đô thị được phê duyệt.

2. Trách nhiệm rà soát quy hoạch đô thị:

a) Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm rà soát quy hoạch chung thành phố;

b) Các Sở quản lý chuyên ngành có trách nhiệm rà soát các quy hoạch đô thị đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao tổ chức lập quy hoạch đô thị;

c) Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố, Ban Quản lý đầu tư - xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc thành phố, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố (sau đây gọi là các Ban Quản lý chức năng đô thị) có trách nhiệm rà soát các quy hoạch đô thị đã được cấp thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi địa giới hành chính và được phân, giao quản lý.

3. Kết quả rà soát quy hoạch đô thị phải được gửi đến Sở Quy hoạch - Kiến trúc và báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị.

4. Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố tác động đến quá trình phát triển đô thị, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị quyết định việc điều chỉnh quy hoạch đô thị.

Điều 6. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch đô thị

Các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị theo quy định có trách nhiệm tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị và tổ chức lập dự toán chi phí thực hiện công việc điều chỉnh quy hoạch đô thị.

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đô thị

Cơ quan các cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt các loại quy hoạch đô thị

theo quy định là cơ quan cùng cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, quyết định việc điều chỉnh các loại quy hoạch đô thị và có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí thực hiện công việc điều chỉnh quy hoạch đô thị.

Điều 8. Trình tự tiến hành điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị

Việc điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị cần lập nhiệm vụ và đề án điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị và được thực hiện theo trình tự sau:

1. Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch đô thị, trường hợp có yêu cầu và đủ điều kiện điều chỉnh quy hoạch đô thị theo Điều 2 Quy định này, cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị theo quy định gửi báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị để xin chấp thuận về chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị.

2. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy hoạch đô thị theo quy định báo cáo, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét, quyết định về chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị.

3. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị chấp thuận về chủ trương, việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đề án điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị, công bố đề án điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị được thực hiện như trường hợp lập mới quy hoạch đô thị theo Luật Quy hoạch đô thị, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị và theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị.

Đối với đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận, huyện đã được phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch trước ngày 25 tháng 5 năm 2010 (ngày Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ có hiệu lực) thì tiếp tục lập, thẩm định và phê duyệt đề án theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch đô thị, Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng.

Điều 9. Trình tự tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị

Việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị không cần phải lập nhiệm vụ và đề án, được thực hiện theo trình tự sau:

1. Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch đô thị, trường hợp có yêu cầu và đủ điều kiện điều chỉnh quy hoạch đô thị theo Điều 2 Quy định này, cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị theo quy định lập báo cáo về nội dung và kế hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, tổ chức xin ý kiến cộng đồng dân cư trong khu vực điều chỉnh quy hoạch và các khu vực xung quanh có ảnh hưởng trực tiếp, gửi cho cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy hoạch đô thị để trình cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét.

2. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy hoạch đô thị có ý kiến, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị để xem xét, quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị bằng văn bản (kèm theo thuyết minh và bản vẽ thể hiện nội dung điều chỉnh) theo đề nghị của cơ quan thẩm định quy hoạch. Đối với quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân quận, huyện, các Ban Quản lý các khu chức năng đô thị được nêu tại Khoản 2, Điều 5 Quy định này cần có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Quy hoạch - Kiến trúc trước khi có văn bản quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị.

3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ quy hoạch những nội dung điều chỉnh. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị phải được công bố công khai theo Luật Quy hoạch đô thị và quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 10. Trách nhiệm lấy ý kiến, hình thức và thời gian lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về điều chỉnh quy hoạch đô thị

Thực hiện như trường hợp lập mới quy hoạch đô thị theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 Luật Quy hoạch đô thị và quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc lấy ý kiến về quy hoạch đô thị.

Điều 11. Thời gian chấp thuận chủ trương, có ý kiến, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đô thị

1. Thời gian để cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy hoạch đô thị có văn bản báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị để xem xét về chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị là không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị.

2. Thời gian để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét, quyết định về chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị là không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo của cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị.

3. Thời gian thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị được thực hiện như quy định đối với trường hợp lập mới quy hoạch đô thị.

4. Thời gian để cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị có ý kiến, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị là không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Thời gian để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị có văn bản quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị là 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan thẩm định.

6. Đối với các quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân quận, huyện, các Ban Quản lý các khu chức năng đô thị được nêu tại Khoản 2, Điều 5 Quy định này thì thời gian để Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến thống nhất bằng văn bản trước khi các cơ quan này quyết định việc điều chỉnh cục bộ hoặc phê duyệt nhiệm vụ, đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị là không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thẩm định. Quá thời gian này mà Sở Quy hoạch - Kiến trúc vẫn chưa có ý kiến bằng văn bản thì xem như thống nhất với ý kiến của cơ quan thẩm định. Thời gian lấy ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc được tính trong thời gian xem xét, thẩm định của cơ quan thẩm định theo quy định.

Điều 12. Quản lý hồ sơ điều chỉnh quy hoạch đô thị

Sau khi phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đô thị cần gửi cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Sở Xây dựng 01 (một) bộ hồ sơ (bản chính) gồm: Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đô thị kèm theo thuyết minh, Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị (đối với điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị), các bản vẽ đã ký, đóng dấu phê duyệt và file (tập tin) để quản lý, tổng hợp cơ sở dữ liệu và thông tin phục vụ cho công tác quản lý quy hoạch đô thị và quản lý xây dựng đô thị.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí lập điều chỉnh quy hoạch đô thị

1. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét cân đối kế hoạch vốn ngân sách hàng năm cho các công tác lập điều chỉnh quy hoạch đô thị từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền

chấp thuận chủ trương cho phép điều chỉnh, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Các tổ chức, cá nhân được tự cân đối kinh phí để lập điều chỉnh quy hoạch đô thị thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh; kinh phí này được tính vào tổng mức đầu tư của dự án.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm hướng dẫn thành phần, nội dung hồ sơ, bản vẽ điều chỉnh quy hoạch đô thị và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan để tổ chức kiểm tra việc tuân thủ Quy định này và các quy định khác có liên quan về điều chỉnh quy hoạch đô thị.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời để Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về hủy bỏ một phần Quyết định số 54/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2256/STP-KTrVB ngày 10 tháng 5 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ quy định về các loại giấy tờ sau đây: Biên bản nghiệm thu công trình nhà ở hoàn thành để đưa vào sử dụng, Biên bản nghiệm thu chất lượng công trình xây dựng; Biên bản nghiệm thu hoàn thành đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bàn giao cho Ủy ban nhân dân quận, huyện hoặc Sở Giao thông - Công chính quản lý để đưa vào sử dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 12, điểm c khoản 1 Điều 14 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 54/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà

ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh do không phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về chế độ hỗ trợ hoạt động cho các di tích và trợ cấp
thường xuyên cho cán bộ, viên chức bảo tàng, thư viện**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII kỳ họp thứ 20 về chế độ hỗ trợ hoạt động cho các di tích và trợ cấp thường xuyên cho cán bộ, viên chức bảo tàng, thư viện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành chế độ hỗ trợ hoạt động cho các di tích và trợ cấp thường xuyên cho cán bộ, viên chức bảo tàng, thư viện như sau:

1. Hỗ trợ hoạt động cho các di tích đã có quyết định xếp hạng:

Mức chi áp dụng chung cho mỗi di tích lịch sử - văn hóa đã có quyết định xếp hạng (đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước) hàng tháng là 02 (hai) lần lương tối thiểu.

Việc chi hỗ trợ thường xuyên không phân biệt theo cấp xếp hạng và loại hình di tích, nhằm thể hiện sự quan tâm của Nhà nước trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích, giúp các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc trực tiếp quản lý di tích trang trải các chi phí: điện, nước, nhang đèn, vệ sinh; đón tiếp khách tham quan và bồi dưỡng cho người chăm sóc di tích.

2. Đối với viên chức các đơn vị Bảo tàng, Trung tâm Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa thành phố, Thư viện Khoa học tổng hợp thành phố trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Mức chi trợ cấp thường xuyên cho cán bộ, viên chức, người lao động công tác tại các Bảo tàng, Trung tâm Bảo tồn và Phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa thành phố, Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố được áp dụng theo theo Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII về điều chỉnh chế độ trợ cấp khuyến khích người có trình độ đại học công tác ở phường - xã, thị trấn và mức chế độ trợ cấp khuyến khích người có trình độ đại học công tác ở phường - xã, thị trấn, nhằm ổn định đội ngũ và thu hút đối với các viên chức, người lao động có học vị.

- Đối với người có trình độ Tiến sĩ: 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Đối với người có trình độ Thạc sĩ: 1.500.000 đồng/người/tháng.
- Đối với người có trình độ Đại học chính quy: 750.000 đồng/người/tháng.
- Đối với người có trình độ Đại học các hệ còn lại: 500.000 đồng/người/tháng.

3. Thời điểm thực hiện các chế độ hỗ trợ nêu trên:

Áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Giám đốc các đơn vị Bảo tàng, Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố, Trung tâm Bảo tồn và Phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa thành phố trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25 tháng 8 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2294/TTr-STP-BTTP ngày 12 tháng 5 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển giao việc chứng thực toàn bộ các hợp đồng, giao dịch từ Ủy ban nhân dân quận, huyện sang tổ chức hành nghề công chứng. Kể từ ngày thực hiện việc chuyển giao thì Ủy ban nhân dân quận, huyện không còn thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Điều 2. Thẩm quyền chứng thực các hợp đồng, giao dịch của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

1. Chuyển giao việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất (trừ di chúc) từ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn sang tổ chức hành nghề công chứng.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng thực đối với di chúc (kể cả di sản là bất động sản) và các loại hợp đồng, giao dịch khác (trừ các hợp đồng, giao dịch đã nêu tại khoản 1 Điều này) thuộc thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Việc xác nhận hợp đồng, giao dịch về bất động sản trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao vẫn thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2011 và thay thế Quyết định số 26/2010/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về chuyển giao việc chứng thực hợp đồng, giao dịch từ Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường sang tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2011/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2011

CHỈ THỊ

**Về việc triển khai thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP
ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

Ngày 04 tháng 3 năm 2010, Chính phủ ban hành Nghị định số 17/2010/NĐ-CP về bán đấu giá tài sản, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 thay thế Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

Ngày 06 tháng 12 năm 2010, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 23/2010/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản, có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 01 năm 2011.

Để các quy định của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 23/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp được thực hiện một cách thống nhất, nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bán đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị:

1. Sở Tư pháp:

1.1. Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về bán đấu giá tài sản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành để kiến nghị Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ cho phù hợp với những quy định của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

1.2. Chủ động lập kế hoạch, phối hợp với các cơ quan có liên quan và các cơ quan truyền thông trong việc tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, Thông tư số 23/2010/TT-BTP và các văn bản liên quan đến hoạt động bán đấu giá tài sản; tổ chức tập huấn, triển khai quy định của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, Thông tư số 23/2010/TT-BTP và các văn bản liên quan đến hoạt động bán đấu giá tài sản cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan sơ kết việc thực hiện Quyết định số 89/2009/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính tại Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hồ Chí Minh; đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 89/2009/QĐ-UBND (nếu không còn phù hợp).

1.4. Hướng dẫn nghiệp vụ bán đấu giá tài sản cho các tổ chức bán đấu giá tài sản chuyên nghiệp, quan tâm và kịp thời hỗ trợ cho các doanh nghiệp có chức năng bán đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố.

1.5. củng cố, kiện toàn Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản; nghiên cứu, xây dựng Đề án chuyển đổi Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp.

1.6. củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ của Sở Tư pháp có đủ năng lực tham mưu trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bán đấu giá tài sản.

1.7. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và các cơ quan liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, thanh tra về tổ chức và hoạt động bán đấu giá tài sản theo quy định pháp luật, xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản.

1.8. Tổng hợp và báo cáo Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân thành phố về hoạt động bán đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố theo định kỳ hàng năm, mốc báo cáo tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm báo cáo, thời hạn gửi báo cáo trước ngày 30 tháng 10 của năm báo cáo.

1.9. Đôn đốc, kiểm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố việc thực hiện Chỉ thị này.

2. Sở Tài chính:

2.1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với việc bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất trong trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất, tài sản nhà nước không thuộc trường hợp thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản thì hướng dẫn cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ký hợp đồng bán đấu giá tài sản với tổ chức bán đấu giá tài sản chuyên nghiệp của nhà nước,

đảm bảo việc bán đấu giá tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định, tránh thất thoát tài sản nhà nước.

2.2. Phối hợp với Sở Tư pháp quản lý nhà nước đối với việc bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính; tài sản là quyền sử dụng đất trong trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất, tài sản nhà nước. Nắm bắt thông tin, kịp thời giải quyết hoặc đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình bán đấu giá loại tài sản này.

2.3. Hướng dẫn các Hội đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất thành phố và Hội đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất quận, huyện tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

3.1. Cập nhật, thông báo danh sách và các thay đổi liên quan đến đăng ký hoạt động của các doanh nghiệp có chức năng bán đấu giá tài sản theo định kỳ hàng tháng cho Sở Tư pháp.

3.2. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan trong việc kiểm tra, thanh tra về tổ chức và hoạt động của các doanh nghiệp bán đấu giá tài sản.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Phối hợp với Sở Tư pháp quản lý nhà nước đối với việc bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất trong trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

5. Cục Thuế và các sở, ngành liên quan:

5.1. Thông báo cho Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư về những vi phạm của các tổ chức bán đấu giá tài sản trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

5.2. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan trong việc kiểm tra, thanh tra về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp có chức năng bán đấu giá tài sản.

5.3. Các sở, ban, ngành thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp trong công tác quản lý nhà nước về bán đấu giá tài sản đối với các loại tài sản có liên quan đến lĩnh vực quản lý của mình.

6. Ủy ban nhân dân quận, huyện:

6.1. Phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Tài chính quản lý nhà nước đối với việc bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính.

6.2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm về tổ chức và hoạt

động của Hội đồng bán đấu giá tài sản do mình thành lập cho Ủy ban nhân dân thành phố thông qua Sở Tư pháp. Mốc thời gian báo cáo 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 31 tháng 3 năm báo cáo, thời hạn gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 4; mốc thời gian báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm báo cáo, thời hạn gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 10.

6.3. Tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động Hội đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất quận, huyện theo quy định.

7. Các tổ chức bán đấu giá tài sản chuyên nghiệp và Hội đồng bán đấu giá tài sản:

7.1. Nghiêm túc thực hiện đúng Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản.

7.2. Các tổ chức bán đấu giá tài sản thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm cho Ủy ban nhân dân thành phố thông qua Sở Tư pháp. Nội dung báo cáo phải thể hiện đầy đủ tình hình tổ chức, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc và kết quả hoạt động bán đấu giá tại đơn vị. Mốc thời gian báo cáo 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 31 tháng 3 năm báo cáo, thời hạn gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 4; mốc thời gian báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm báo cáo, thời hạn gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 10.

7.3. Các tổ chức bán đấu giá tài sản được thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định số 17/2010/NĐ-CP có hiệu lực thì phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP mới được tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản.

8. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tiến hành việc bán tài sản bằng hình thức bán đấu giá thì phải thông qua các tổ chức bán đấu giá tài sản chuyên nghiệp để tiến hành việc bán đấu giá tài sản theo quy định.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2011/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 5 năm 2011

CHỈ THỊ

Về triển khai các biện pháp phòng, chống, ứng phó các sự cố có thể xảy ra trong mùa mưa bão năm 2011 trên địa bàn thành phố

Theo dự báo của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn khu vực Nam bộ về thời tiết vào mùa mưa năm nay sẽ có những diễn biến bất thường và phức tạp, có khả năng xuất hiện những cơn bão có cường độ mạnh và những cơn mưa có vũ lượng lớn, triều cường dâng cao. Nhằm thu hẹp phạm vi, khu vực có khả năng bị ảnh hưởng thiên tai, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do các sự cố có thể xảy ra trong mùa mưa bão năm 2011, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu:

1. Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc các Tổng Công ty trực thuộc:

a) Chủ động triển khai và tập trung mọi nguồn lực thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 12/2011/CT-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2011 trên địa bàn thành phố; Công văn số 719/UBND-CNN ngày 18 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về phối hợp quản lý các dự án liên quan đến thoát nước, chống ngập; tập trung thực hiện chương trình xóa, giảm ngập nước trên địa bàn thành phố; Công văn số 1855/UBND-ĐTMT ngày 22 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về giải quyết tình trạng ngập và bảo đảm an toàn giao thông trong mùa mưa và Chương trình giảm ngập nước trên địa bàn thành phố.

b) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến phường - xã, thị trấn, các khu phố - ấp, tổ dân phố, hộ dân và các đơn vị trực thuộc, doanh nghiệp, cơ quan, ban - ngành, đoàn thể đóng tại địa bàn các biện pháp chủ động và tự giác tổ chức phòng tránh, ứng phó khi bão đổ bộ trực tiếp vào địa bàn; tình trạng ngập úng do mưa lớn và triều cường theo phương án, kế hoạch đã định; tổ chức rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh từng kế hoạch chi tiết nhằm đảm bảo yêu cầu phòng, chống, ứng phó khi lụt, bão, thiên tai xảy ra tại đơn vị, địa phương mình theo phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện và kinh phí tại chỗ; hậu cần tại chỗ).

2. Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố: đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án tiêu thoát nước, chống ngập trên địa bàn thành phố để sớm xóa các điểm ngập cũ và hạn chế phát sinh các điểm ngập mới. Kiểm tra và đề xuất giải pháp xử lý các điểm ngập phát sinh cục bộ ngoài khu vực các dự án đang triển khai. Phối hợp với các cơ quan, ban - ngành Trung ương và thành phố đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực thành phố.

3. Sở Giao thông vận tải thành phố: tăng cường kiểm tra thi công các công trình xây dựng, khẩn trương hoàn thành các công trình thoát nước. Tổ chức giải tỏa ùn tắc, phân luồng giao thông để đảm bảo giao thông thông suốt trong tình huống xảy ra sự cố cầu, đường, cây xanh, cột điện ngã đổ; phối hợp Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố cấm biển báo tại các tuyến đường thường xuyên bị ngập sâu để người dân biết, hạn chế đi lại; phối hợp Công an thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố huy động lực lượng kiểm tra, kiểm soát, đảm bảo an toàn tại các bến phà, đò ngang, cầu yếu. Phối hợp với Sở Xây dựng, Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên, Ban Quản lý dự án Nâng cấp đô thị, dự án Nhiều Lọc - Thị Nghè, dự án Đại lộ Đông - Tây, các khu vực, tuyến đường nổi có hiện tượng sụp lún để sửa chữa kịp thời...

4. Công ty Công viên cây xanh tiến hành kiểm tra toàn bộ cây xanh trên địa bàn thành phố; khẩn trương tổ chức việc mé nhánh cây khô, đốn hạ các cây bị đổ ngã trên đường sau cơn mưa, không để xảy ra tình trạng cây xanh đổ ngã gây tai nạn cho người đi đường.

5. Tổng Công ty Điện lực thành phố khẩn trương kiểm tra các hệ thống truyền tải, thiết bị điện, trạm biến thế, công trình điện lực nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố đảm bảo an toàn điện trước và trong mùa mưa bão; đồng thời, bảo đảm nguồn điện ổn định, liên tục phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và vận hành các trạm bơm, đập ngăn triều... trong thời gian xảy ra lụt, bão, thiên tai.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tập trung thi công, nâng cấp, nạo vét hệ thống kênh mương, cống rãnh theo phân cấp; hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng ngập úng xảy ra trên địa bàn. Đặc biệt các quận - huyện ven sông Sài Gòn cần tăng cường kiểm tra bờ bao, các vị trí có nguy cơ sạt lở để giải quyết ngay, không để xảy ra thiệt hại.

Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các Tổng Công ty trực thuộc tổ chức thực hiện nghiêm túc chỉ thị này, đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo, đặc biệt là khi có lụt, bão, thiên tai xảy ra và trong

những ngày nghỉ, ngày lễ; tập trung triển khai các phương án, biện pháp phòng, chống, ứng phó, cứu hộ, cứu nạn kịp thời, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2011/CT-UBND

Quận 10, ngày 12 tháng 01 năm 2011

CHỈ THỊ

Về tổ chức thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng năm 2011

Căn cứ Chỉ thị số 25/2010/CT-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức thực hiện nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2011.

Thực hiện Thông tri số 01-TT/QU ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Ban Thường vụ Quận ủy quận 10, về việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2011. Ủy ban nhân dân quận 10 chỉ thị cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc quận và Ủy ban nhân dân 15 phường tập trung thực hiện những nội dung sau:

1. Giao Chỉ huy trưởng Ban CHQS Quận 10:

1.1. Tham mưu cho Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận 10 lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Quận lần thứ X, về lãnh đạo công tác Quân sự - Quốc phòng trong tình hình mới. Triển khai thực hiện Luật Dân quân tự vệ theo hướng dẫn của Bộ, Ngành Trung ương.

1.2. Chủ động phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an, phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy quận 1 tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 25/2007/CT-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng chính phủ và Chỉ thị số 98/2008/CT-UBND-M ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về công tác phòng, chống khủng bố trong tình hình mới và triển khai thực hiện Nghị định số 77/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng; triển khai lực lượng bảo vệ an toàn trong thời gian tổ chức các sự kiện chính trị quan trọng, các ngày lễ, tết, các hội nghị quốc tế được tổ chức tại quận 10. Tiếp tục thực hiện Nghị định số 47/CP ngày 12 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

1.3. Thực hiện tốt việc quản lý đất quốc phòng theo pháp luật của Nhà nước và

Quy chế của Bộ Quốc phòng. Tham gia góp ý kiến cho những dự án quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với nhiệm vụ quốc phòng.

1.4. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo thực hiện tốt quy trình tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hoàn thành chỉ tiêu ở 2 cấp không để sai sót do sức khỏe, đúng quy định của pháp luật.

1.5. Đề xuất Ủy ban nhân dân quận bảo đảm kinh phí phù hợp cho hoạt động lực lượng vũ trang quận; mua sắm bổ sung các loại trang bị, phương tiện kỹ thuật mới, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phục vụ cho nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng, nâng cao khả năng phòng thủ và sẵn sàng chiến đấu, phòng, chống khủng bố và xử lý tình huống phòng, chống khắc phục thảm họa, hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

1.6. Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước, quy định của Bộ Quốc phòng, Quân khu, thành phố về ổn định tổ chức biên chế, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện. Tiếp tục thực hiện huấn luyện, nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, hiệu quả hoạt động của lực lượng vũ trang quận.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu cho Quận ủy - UBND quận tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh do Quân khu, thành phố triệu tập đúng, đủ thành phần quy định. Tổ chức các lớp cán bộ ở cơ sở (đối tượng 4, 5), chức sắc, nhà tu hành, chức việc các tôn giáo và các đối tượng khác; đồng thời cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đúng, đủ thành phần theo kế hoạch chiêu sinh của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, hoàn thành 100% theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả các đề án đã được phê duyệt về tổ chức hoạt động của lực lượng Quân báo trinh sát; tham gia các lớp đào tạo Sĩ quan dự bị bảo đảm chỉ tiêu do Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố giao.

- Duy trì lực lượng dân quân phối hợp cùng cảnh sát giao thông bảo đảm trật tự, điều tiết giao thông vào những giờ cao điểm tại những khu vực thường xuyên xảy ra ùn tắc giao thông theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định.

- Tổ chức có hiệu quả hội thi, hội thao quốc phòng trong lực lượng vũ trang quận và tham gia hội thi do cấp trên tổ chức đạt thành tích cao, thường xuyên luyện tập và diễn tập nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu. Tham mưu cho Quận ủy - UBND quận tổ chức diễn tập điểm kiểm tra phương án A2, kết hợp diễn tập phòng thủ năm 2011 theo kế hoạch của thành phố. Xây dựng cơ quan quân sự quận - phường vững mạnh toàn diện theo Chỉ thị số 917/1999/CT-QP ngày 22 tháng 6 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng gắn với thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 333/CT-BTL ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 về tăng cường

công tác quản lý, duy trì kỷ luật và an toàn trong lực lượng vũ trang Quân khu; trong đó tập trung đầu tư cho các đơn vị làm điểm vững mạnh toàn diện đi vào chiều sâu, vững chắc nhân rộng trong toàn lực lượng vũ trang quân; thường xuyên củng cố doanh trại chính quy, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp. Hoàn chỉnh, triển khai thực hiện đề án xây dựng Ban Chỉ huy Quân sự phường vững mạnh toàn diện.

2. Giao trách nhiệm cho các đơn vị:

Công an quận chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy Quân sự quận và các lực lượng chức năng thường xuyên luyện tập, diễn tập kiểm tra phương án sẵn sàng chiến đấu. Phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, góp phần bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quận.

3. Giao các ban, ngành chức năng quận: Khi xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của quận phải phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận để gắn nhiệm vụ quy hoạch quốc phòng - an ninh; đồng thời từng bước điều chỉnh gắn với quá trình xây dựng kế hoạch bảo đảm nhu cầu quốc phòng năm đầu chiến tranh (kế hoạch B) phù hợp với tình hình thực tế cụ thể như sau:

3.1. Phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai thực hiện giáo dục quốc phòng - an ninh trong các trường trung học phổ thông. Phòng Lao động - thương binh và xã hội chủ trì phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận giải quyết tốt các tồn đọng chính sách sau chiến tranh và sẵn sàng thực hiện những chính sách cho quân nhân tham gia sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 theo đúng quy định của Đảng, Nhà nước.

3.2. Phòng Văn hóa - Thông tin phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy Quân sự quận thực hiện tốt việc thông tin, tuyên truyền, phản ánh các hoạt động quốc phòng - quân sự địa phương trên các phương tiện thông tin để tăng cường ý thức quốc phòng trong các tầng lớp xã hội và toàn dân, tiếp tục phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận và các cơ quan chức năng nâng cấp hệ thống phương tiện thông tin liên lạc bảo đảm cho nhiệm vụ quốc phòng và sẵn sàng phục vụ lãnh đạo chỉ huy xử lý mọi tình huống có thể xảy ra. Tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm những ngày lễ liên quan đến quân đội.

3.3. Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận, Phòng Tài nguyên và môi trường tiếp tục khảo sát, lập dự án quy hoạch và xây dựng các công trình quốc phòng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội gắn với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh; hướng dẫn, triển khai xây dựng các hoạt động khu vực phòng thủ theo Nghị định số 152/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về khu vực phòng thủ; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành thủ tục các dự án

mua sắm trang bị và xây dựng cơ bản, ưu tiên xây dựng mới. Bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ quân sự - quốc phòng thường xuyên hoạt động của lực lượng Quân báo trinh sát, lực lượng DQTV, DBĐV và các nhiệm vụ đột xuất khác trong năm 2011.

3.4. Phòng Tư pháp phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận tổ chức tuyên truyền, phổ biến luật DQTV, các văn bản liên quan đến công tác nghĩa vụ quân sự, dự bị động viên trong các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân.

4. Chủ tịch UBND 15 phường:

4.1. Tổ chức triển khai thực hiện những nội dung theo hướng dẫn của Ban chỉ huy Quân sự quận về công tác quốc phòng, quân sự địa phương năm 2011 theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận.

4.2. Chỉ đạo xây dựng huấn luyện, hoạt động của lực lượng vũ trang phường nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, tăng cường các hoạt động nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn theo Nghị định 77 năm 2010; tổ chức diễn tập chiến đấu trị an theo Nghị định số 152/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ.

4.3. Triển khai thực hiện quy trình tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hoàn thành 100% chỉ tiêu của UBND quận giao năm 2011, không để sai sót về mọi mặt, bảo đảm chất lượng theo đúng quy định (mỗi phường có từ 1 - 2 đảng viên chính thức nhập ngũ hoặc có thời gian kết nạp trước 6 tháng trở lên so với ngày nhập ngũ).

4.4. Tiếp tục quan tâm chỉ đạo đầu tư thực hiện đề án xây dựng Ban chỉ huy Quân sự phường vững mạnh toàn diện.

4.5. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội theo quy định của Đảng, Nhà nước tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho các đối tượng chính sách.

5. Ban Chỉ huy Quân sự quận: theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng của các cơ quan, đơn vị và 15 phường, thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị cho Thường trực Ủy ban nhân dân quận.

Ủy ban nhân dân quận yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và chủ tịch UBND 15 phường, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Lưu

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2011/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 11 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về kiện toàn tổ chức Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 06/2003/QĐ.UB ngày 24 tháng 03 năm 2003 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về việc thành lập Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện tại Công văn số 90/BT ngày 05 tháng 4 năm 2011 và Trưởng Phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 42/TTr-NV ngày 05 tháng 5 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 21/2003/QĐ-UB ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ

*(Ban hành theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện là đơn vị sự nghiệp công lập; được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện đồng thời chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ của Hội đồng thẩm định bồi thường thành phố và các Sở - ngành đối với các hoạt động liên quan.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định.

2. Chức năng:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện do Ủy ban nhân dân huyện thành lập nhằm giúp cho Ủy ban nhân dân huyện trực tiếp tổ chức quản lý thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án trên địa bàn huyện.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ có nhiệm vụ, quyền hạn:

1. Giúp chủ đầu tư dự án lập phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.
2. Tổ chức điều tra, kiểm kê đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc và tài sản bị ảnh hưởng trong dự án.
3. Giúp Hội đồng, Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án thực hiện nhiệm vụ tại khoản 4 Điều 40 của Quy định kèm theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án về tính chính xác, sự phù hợp chính sách của phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.
4. Hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của người sử dụng đất về những vấn đề liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư, kiểm kê thực tế so sánh với tờ khai có sự tham gia của người được bồi thường và chủ sử dụng đất. Xác định tổng mức phải bồi thường cho toàn bộ diện tích đất thu hồi, toàn bộ tài sản hiện có trên đất và các khoản bồi thường, hỗ trợ khác. Xác định mức bồi thường, hỗ trợ cho từng đối tượng, lưu trữ hồ sơ bồi thường, hỗ trợ của dự án theo quy định.
5. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo, đề xuất Hội đồng Bồi thường của dự án hoặc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ xem xét giải quyết.
6. Thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và phối hợp với các đơn vị có liên quan để bố trí tái định cư cho người bị thu hồi đất chính xác, đúng đối tượng.
7. Phối hợp các ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện Cần Giờ để nghiên cứu, đề xuất giải quyết các trường hợp xin cứu xét hoặc khiếu nại về bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đồng thời chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ đối với các dự án trên địa bàn huyện Cần Giờ do Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ thực hiện.
8. Phối hợp với các đơn vị có liên quan lập dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có) báo cáo thẩm định và trình duyệt theo quy định.
9. Lập bản vẽ hoặc hợp đồng thuê các đơn vị tư vấn có chức năng đo vẽ hiện trạng nhà và đất, thẩm định đơn giá quyền sử dụng đất, tài sản khác để làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện.

10. Tổng hợp nhu cầu tái định cư của các dự án công ích trên địa bàn huyện cho từng giai đoạn và kế hoạch giải quyết tái định cư cho các dự án này.

11. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện việc phổ biến, hướng dẫn mua quỹ nhà, đất tái định cư theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố tại chỉ thị số 32/2006/CT-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2006 về tập trung giải quyết tái định cư cho các hộ đang tạm cư trong thời gian dài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007 về phương thức mua bán căn hộ chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố và các quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Ủy ban nhân dân thành phố.

12. Thường xuyên cập nhật giá cả liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (nhà ở, đất ở, giá vật liệu xây dựng...).

13. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện rà soát quỹ đất do Nhà nước trực tiếp quản lý, quỹ đất dôi dư sau khi xử lý thu hồi các doanh nghiệp, tổ chức, các dự án phát triển nhà thương mại có sử dụng quỹ đất công để xác định quỹ nhà, đất có thể sử dụng bố trí tái định cư.

14. Kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công các dự án tái định cư trên địa bàn (nếu có), báo cáo các khó khăn, vướng mắc và đề xuất hướng tháo gỡ.

15. Phối hợp các cơ quan chuyên môn liên quan, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thuộc Ủy ban nhân dân huyện để theo dõi, hỗ trợ các hộ dân ổn định cuộc sống sau khi di dời.

16. Thực hiện chế độ báo cáo tháng, quý, sáu tháng, tổng kết năm của công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư trên địa bàn huyện và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và các Sở - Ngành liên quan.

17. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Cán bộ lãnh đạo:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện làm việc theo chế độ thủ trưởng, có Trưởng ban và không quá 02 Phó Trưởng ban giúp việc Trưởng ban.

2. Cơ cấu các tổ chức năng, nghiệp vụ trực thuộc:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ gồm có các tổ chuyên môn trực thuộc:

- Tổ Kế toán - hành chính;
- Tổ Nghiệp vụ 1;
- Tổ Nghiệp vụ 2;
- Tổ Tiếp dân, giải quyết khiếu nại, khiếu kiện.

Tổ có Tổ trưởng và Tổ phó.

3. Việc thành lập, sáp nhập và sắp xếp các tổ thuộc thẩm quyền của Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ các chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Kế toán trưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn thuộc thẩm quyền của Trưởng ban.

Điều 4. Biên chế

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống các đơn vị sự nghiệp Nhà nước, được giao định mức biên chế khung và có thể sử dụng một phần kinh phí ngân sách trong trường hợp nguồn thu của đơn vị không đủ trang trải.

Tùy theo tình hình, đặc điểm công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định định mức biên chế trong tổng số biên chế sự nghiệp khác của huyện được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Ngoài định mức biên chế nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cho phép Thủ trưởng đơn vị được hợp đồng lao động (theo Bộ Luật Lao động), hợp đồng thuê, khoán công việc đối với những công việc không cần bố trí biên chế thường xuyên để đáp ứng yêu cầu công tác của đơn vị.

Chương IV

CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, TIỀN LƯƠNG, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 5. Chế độ chính sách, tiền lương đối với cán bộ, viên chức

Chế độ tiền lương của cán bộ công chức, viên chức Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng áp dụng theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12

năm 2004 Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Trong trường hợp Chính phủ điều chỉnh chính sách tiền lương thì áp dụng theo Nghị định điều chỉnh của Chính phủ.

Quá trình công tác tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng theo diện hợp đồng của cán bộ, viên chức được tính là thời gian liên tục, để tính mức lương trong việc xét tuyển, bổ nhiệm ngạch.

Điều 6. Chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp kế toán:

1. Chế độ phụ cấp chức vụ:

a) Lãnh đạo Ban:

- Trưởng ban hưởng mức phụ cấp chức vụ: 0,40.
- Phó Trưởng ban hưởng mức phụ cấp chức vụ: 0,30.

b) Cán bộ quản lý tổ chuyên môn:

- Tổ Trưởng chuyên môn Nghiệp vụ: 0,15.
- Tổ Phó chuyên môn Nghiệp vụ: 0,10.

2. Chế độ phụ cấp kế toán:

- Kế toán trưởng được hưởng mức phụ cấp chức vụ: 0,25
- Phụ trách kế toán được hưởng mức phụ cấp chức vụ: 0,15.

Điều 7. Cơ chế tài chính

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng là đơn vị sự nghiệp công lập, áp dụng cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

Điều 8. Nguồn kinh phí

Kinh phí hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng được trích từ hai phần trăm (02%) chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn huyện. Việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động được thực hiện theo Quyết định số 69/2008/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trường hợp kinh phí trích từ hai phần trăm (02%) chi phí phục vụ công tác bồi

thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn huyện không đủ chi, thì Ủy ban nhân dân huyện căn cứ vào cân đối ngân sách huyện để bổ sung kinh phí hoạt động theo quy định.

Chương V

TUYỂN DỤNG, BỔ NHIỆM NGẠCH, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

Điều 9. Tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch, quản lý và sử dụng viên chức

Viên chức vào làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ được tổ chức xét tuyển, thực hiện chế độ tập sự và bổ nhiệm vào ngạch viên chức hoặc hợp đồng lao động và tổ chức quản lý, sử dụng viên chức theo quy định tại:

- Bộ Luật Lao động.
- Luật Cán bộ, công chức.
- Luật Viên chức
- Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.
- Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP.
- Thông tư số 10/2004/TT-BNV ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP.
- Thông tư số 04/2007/TT-BNV ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP và Nghị định số 121/2006/NĐ-CP.

Điều 10. Thẩm quyền xét tuyển và bổ nhiệm ngạch công chức, viên chức

Trưởng ban đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thành lập Hội đồng và thực hiện việc xét tuyển. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch hoặc đề nghị Sở Nội vụ bổ nhiệm ngạch theo thẩm quyền.

Điều 11. Khen thưởng và xử lý kỷ luật cán bộ, viên chức

Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng được khen thưởng và xét danh hiệu thi đua theo quy định hiện hành và xử lý kỷ luật

theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức và Bộ Luật Lao động.

Chương VI

PHÂN CÔNG, CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA TRƯỞNG BAN PHÓ TRƯỞNG BAN VÀ CÁC TỔ CHỨC NẰNG

Điều 12. Phân công, chế độ trách nhiệm

1. Trưởng ban:

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về toàn bộ hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng, đồng thời chịu sự hướng dẫn của các Sở - Ngành đối với hoạt động liên quan.

- Điều hành hoạt động của Ban, chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên của Ban lập, trình duyệt phương án tổng thể, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện Cần Giờ.

- Tham gia thành viên Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn huyện và thực hiện vai trò tham mưu, giúp việc theo quy định tại chức năng, nhiệm vụ của Quy chế này.

- Giúp Ủy ban nhân dân huyện xây dựng và ban hành quy trình giải quyết hồ sơ thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

2. Các Phó Trưởng ban:

- Phó Trưởng ban là người giúp việc cho Trưởng ban, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo lĩnh vực công tác do Trưởng ban phân công và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, liên đới chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được giao. Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền thực hiện một số công việc cụ thể theo quy định.

3. Các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ:

- Tham mưu, giúp việc cho Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban về các lĩnh vực được phân công.

- Soạn thảo và tham mưu cho Trưởng ban ký ban hành nội quy, chức năng, nhiệm vụ cụ thể và chế độ trách nhiệm của từng Tổ thuộc đơn vị.

- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của đơn vị.

- Tham mưu cho lãnh đạo đơn vị giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm cho đơn vị.

- Thực hiện các công tác khác theo sự chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị.

4. Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên:

- Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng phải có trình độ chuyên môn phù hợp với công việc, là người có phẩm chất, đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan trong thi hành công vụ và chấp hành nghiêm túc sự phân công của lãnh đạo Ban hoặc Tổ.

Chương VII

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 13. Chế độ làm việc và hội họp

1. Chế độ làm việc:

Thực hiện theo quy định chung của Nhà nước và của huyện.

Cán bộ, viên chức, nhân viên của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện đều có chức danh, nhiệm vụ cụ thể và đeo thẻ theo quy định.

Cán bộ, viên chức, nhân viên phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, hòa nhã, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân cũng như của đồng nghiệp.

2. Chế độ hội họp:

Định kỳ hàng tuần họp giao ban giữa lãnh đạo Ban với các Tổ trưởng để kiểm điểm công tác trong tuần qua và triển khai công tác tuần tới.

Hàng tháng họp toàn thể cán bộ công chức, viên chức của đơn vị một lần để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác trong tháng qua và đề ra công tác cho tháng tiếp theo, đồng thời, phổ biến các chủ trương, chính sách, chế độ mới của Nhà nước và nhiệm vụ mới phát sinh ở địa phương và có văn bản báo cáo cho Ủy ban nhân dân huyện và sở - ngành liên quan.

Hàng tháng, quý, sáu tháng và cuối năm, báo cáo sơ, tổng kết công tác theo quy định.

Ngoài ra, có thể tổ chức họp đột xuất để triển khai công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 14. Quan hệ công tác

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ có các mối quan hệ công tác như sau:

1. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở - ngành liên quan:

Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường: Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ chịu sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, về quy trình tiếp cận và giải quyết hồ sơ và các biểu mẫu về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để huyện thực hiện đồng bộ và thống nhất.

Các Sở - Ngành có trách nhiệm hướng dẫn các lĩnh vực liên quan, tăng cường việc kiểm tra, thanh tra công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư các lĩnh vực liên quan tại huyện.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc báo cáo kết quả công tác định kỳ, đột xuất và chuyên đề theo yêu cầu của các Sở - Ngành liên quan.

2. Đối với Ủy ban nhân dân huyện:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện. Trưởng ban trực tiếp nhận chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và báo cáo cho Ủy ban nhân dân huyện việc thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

3. Đối với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng là cơ quan Thường trực của Hội đồng, tham mưu cho Hội đồng trong công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư.

4. Đối với các cơ quan khác thuộc Ủy ban nhân dân huyện:

Thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp và hợp tác bình đẳng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định.

Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách, nếu chưa nhất trí với ý kiến của cơ quan khác, Trưởng ban chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

5. Đối với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức xã hội huyện:

Phối hợp với các ngành, đoàn thể có liên quan trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật, quy định của Nhà nước để giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án đầu tư đã được phê duyệt.

Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng, Trưởng ban có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

6. Đối với Ủy ban nhân dân xã - thị trấn:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân xã - thị trấn nơi có dự án đầu tư trong việc điều tra, khảo sát hiện trạng, cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết thực hiện tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi trả cho từng hộ dân để phục vụ cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện theo quy định của Nhà nước.

Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Ủy ban nhân dân xã - thị trấn, Trưởng ban tập hợp các ý kiến trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

Chương VIII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ và các cơ quan liên quan thuộc huyện có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ đề xuất Ủy ban nhân dân huyện bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế, sau khi có sự trao đổi thống nhất với Trưởng Phòng Nội vụ huyện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2011/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 11 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Đề án Cải thiện và xử lý ô nhiễm môi trường tại
một số khu vực trọng điểm trên địa bàn huyện Cần Giờ
giai đoạn 2011 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 117/2009/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Chỉ thị số 21/2008/CT-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 08 tháng 4 năm 2011 Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Cần Giờ khóa X, nhiệm kỳ 2010 - 2015;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này là Đề án Cải thiện và xử lý ô nhiễm môi trường tại một số khu vực trọng điểm trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Cải thiện và xử lý ô nhiễm môi trường tại một số khu vực trọng điểm trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND

ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Huyện Cần Giờ những năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có việc giải quyết tốt các vấn đề về vệ sinh môi trường, cụ thể là đã triển khai thực hiện và đạt được một số kết quả khả quan những nội dung như giảm thiểu tình hình hình ngập úng ở các khu dân cư; thu gom và xử lý rác; vận động hộ gia đình xây dựng nhà vệ sinh hợp quy cách...

Tuy nhiên, cùng với việc phát triển kinh tế, mức sống của người dân dần được nâng lên làm nảy sinh nhiều vấn đề cần phải được giải quyết, tình trạng ô nhiễm môi trường ở một số khu dân cư có chiều hướng trở nên nghiêm trọng là một trong các vấn đề đó.

Qua khảo sát thực tế cho thấy, có 08 điểm ao tù nước đọng gây ô nhiễm môi trường và 02 điểm bị ngập cục bộ, tức thời do mưa lớn và triều cường gây ra tại các khu dân cư trên toàn huyện và đây là nguồn phát sinh dịch bệnh vào mùa mưa, 11 khu dân cư chưa được đầu tư hệ thống thoát nước và 02 khu dân cư có hệ thống thoát nước nhưng lại hoạt động không hiệu quả; Tỷ lệ thu gom rác trung bình trên địa bàn huyện đạt khoảng 70%, còn khoảng 30% hộ dân xả vứt rác không đúng nơi quy định và điều này đồng nghĩa với việc có một khối lượng lớn rác chưa được xử lý hợp vệ sinh. Tình trạng nhà vệ sinh trên kênh, rạch và không đúng quy cách vẫn còn tồn tại ở các xã, thị trấn với số lượng khá nhiều. Nguyên nhân chung nhất của thực trạng trên là do sự hạn chế trong ý thức của người dân, năng lực quản lý Nhà nước về môi trường chưa đáp ứng các yêu cầu đặt ra của đời sống xã hội, sự tác động của biến đổi khí hậu.

Đề án tập trung vào 05 xã Bình Khánh, An Thới Đông, Tam Thôn Hiệp, Lý Nhơn, Long Hòa và thị trấn Cần Thạnh. Riêng đối với xã Thạnh An là một xã đảo, có

điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, môi trường tương đối khác với các địa phương còn lại nên để định hướng, phát triển lâu dài và bền vững sẽ có kế hoạch riêng trong tương lai.

II. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung: Cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở một số khu dân cư nhằm từng bước nâng cao chất lượng môi trường sống dân cư trên địa bàn góp phần thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Phấn đấu đến cuối năm 2015, giải quyết được tình trạng ô nhiễm môi trường sống của người dân, khắc phục cơ bản tình trạng ngập nước do mưa lớn và triều cường gây ra tại các khu vực chưa có hệ thống thoát nước, khống chế tình trạng phát sinh các điểm ngập mới.

- Đến năm 2012, đảm bảo 100% các khu dân cư có Tổ thu gom rác dân lập và 100% hộ gia đình có nhà vệ sinh hợp quy cách.

- Đảm bảo 100% công trình đầu tư hạ tầng, phát triển khu dân cư mới phải giải quyết được vấn đề chống ngập tại khu vực vùng dự án và phụ cận.

III. NHIỆM VỤ:

1. Tập trung xóa các điểm ao tù nước đọng ô nhiễm môi trường hiện hữu và ngăn chặn phát sinh mới:

1.1. San lấp các ao tù gây ô nhiễm môi trường kết hợp với việc xây dựng hệ thống thoát nước cho các khu dân cư:

Đối với khu rạch Sáu Kiên, rạch Sáu Nghé, Út Lâu, khu nhà ông Liệt, Bà Xán (xã Bình Khánh); An Phước, An Hoà (Tam Thôn Hiệp); khu dân cư Giồng Ao cũ (Cần Thạnh); khu dân cư Hòa Hiệp, Chà Là, Tổ 5, 6 ấp Đồng Tranh (Long Hòa); khu dân cư ấp Lý Thái Bửu (khu ao nhà ông Bằng, khu ao nhà ông Mười), khu dân cư ấp Lý Hòa Hiệp (khu vực trước trụ sở Ban ấp Lý Hòa Hiệp, khu ao tù trước Trường Tiểu học Vàm Sát, khu nhà ông Được, ông Hải) (Lý Nhơn); khu dân cư Tắc Cá Cháy, khu dân cư ấp An Bình, An Hòa (An Thới Đông).

1.2. Nạo vét các đoạn rạch bị bồi lấp để đảm bảo tiêu thoát nước cho các khu dân cư:

Đối với khu vực Phòng Giáo dục cũ (thị trấn Cần Thạnh).

1.3. Thực hiện các biện pháp kiểm soát, khống chế tình trạng phát sinh khu vực ngập mới:

- Không chế tình trạng gây ngập do mưa lớn, triều cường.

- Song song với việc cải tạo xây mới hệ thống thoát nước, nạo vét và san lấp các kênh rạch chú trọng quản lý tốt các kênh rạch, tăng cường xử lý nghiêm các trường hợp san lấp, lấn chiếm, có quy định chế tài mạnh mẽ và hiệu quả để bảo vệ hệ thống công thoát nước, kênh rạch.

- Thực hiện kế hoạch cải tạo các tuyến cống thoát nước không hiệu quả tại các khu dân cư An Hòa, An Phước, xã Tam Thôn Hiệp.

Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn với sự hướng dẫn, hỗ trợ của các Phòng, ban chức năng huyện chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể nhiệm vụ trên, trong đó có cần xác định thứ tự ưu tiên thực hiện các công trình theo mức độ ô nhiễm ở từng khu vực dân cư từ năm 2011 đến năm 2015.

2. Giải tỏa nhà vệ sinh trên kênh rạch, khuyến khích người dân xây dựng và sử dụng nhà vệ sinh hợp quy cách:

2.1. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn cần quan tâm sâu sát và vận động người dân địa phương xóa bỏ nhà vệ sinh lộ thiên, xây dựng nhà vệ sinh hợp quy cách, có kế hoạch kiểm tra việc sử dụng vốn vay đúng mục đích đối với các hộ dân đã vay từ chương trình xây dựng hồ xí tự hoại, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn của Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện. Phải xây hồ xí hợp vệ sinh, đảm bảo không còn nhà vệ sinh trên kênh rạch tại các khu dân cư.

2.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện biện pháp cưỡng chế tháo dỡ nhà vệ sinh trên kênh rạch, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xây dựng nhà vệ sinh không hợp quy cách gây ô nhiễm môi trường.

2.3. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp chặt chẽ, thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể huyện vận động tuyên truyền, tạo điều kiện cho các hộ gia đình có nhu cầu được vay vốn nhằm hoàn thành chỉ tiêu 100% hộ gia đình sử dụng nhà vệ sinh hợp quy cách vào năm 2012.

3. Giải quyết vấn đề thu gom và xử lý rác trên địa bàn các xã, thị trấn:

3.1. Các xã, thị trấn cần củng cố, thành lập thêm Tổ thu gom rác dân lập tại các khu dân cư chưa có hệ thống thu gom rác, như khu Tắc Cá Cháy, xã An Thới Đông,

khu dân cư ấp Trần Hưng Đạo, xã Bình Khánh... Tiếp tục vận động nhân dân giao rác cho Tổ thu gom rác dân lập, đóng phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường theo Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố, đảm bảo 100% chất thải sinh hoạt được thu gom và xử lý.

3.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phát hiện và xử lý vi phạm hành chính các trường hợp xả vứt rác bừa bãi tại các khu dân cư, không đóng phí đúng quy định.

3.3. Khắc phục tình trạng quá tải các bãi rác Long Hòa, xã Long Hòa và Đà Đỏ, xã Bình Khánh và quy hoạch bãi rác mới. Nội dung này phân công Phòng Quản lý đô thị chủ trì, phối hợp cùng Phòng Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện trong năm 2011.

3.4. Phòng Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu tổ chức ứng dụng đề tài phân loại rác tại nguồn trên địa bàn huyện Cần Giò, trước mắt trong năm 2011 thực hiện thí điểm tại một địa điểm sau đó có báo cáo và xây dựng kế hoạch triển khai trên diện rộng, góp phần giảm tải lượng rác đến các bãi chôn lấp.

3.5. Hằng năm, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích huyện có kế hoạch trang bị, cấp bù thêm thùng rác cho các xã, thị trấn để đảm bảo cho việc thu gom rác tại các khu dân cư trên địa bàn huyện Cần Giò.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

Để hoàn thành các nhiệm vụ nêu trên cần triển khai một cách đồng bộ các giải pháp cấp bách như sau:

1. Giải pháp về vận động tuyên truyền trong nhân dân: Ý thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường sẽ được nâng cao thông qua hoạt động tuyên truyền và giáo dục, khi đó có điều kiện huy động nguồn lực xã hội tham gia cùng với Nhà nước trong hoạt động bảo vệ môi trường nói chung và tham gia thực hiện nội dung đề án này nói riêng, cụ thể là cùng thực hiện các công trình xây dựng ghi trong danh mục dự án đầu tư thuộc đề án.

- Về hình thức cần triển khai một cách phong phú, đa dạng như thông qua các buổi sinh hoạt của các tổ chức chính trị xã hội, tổ nhân dân, khu phố, lồng ghép các nội dung về luật cũng như các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, tổ chức các hoạt động cụ thể như Ngày Môi trường Thế giới, Ngày Chủ nhật xanh, các phong trào, cuộc vận động của thành phố, sử dụng có hiệu quả hệ thống phát thanh trên địa bàn huyện...

- Về nội dung cần tập trung vào các quy định pháp luật có liên quan đến nội dung đề án như Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố về thu phí thu gom chất thải rắn thông thường, các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới và nội dung của đề án này.

2. Giải pháp về vốn: Vấn đề vốn để thực hiện các hạng mục công trình ghi trong đề án là quan trọng và cần phải được giải quyết trên nguyên tắc huy động các nguồn lực xã hội, Nhà nước và nhân dân cùng làm.

- Nhà nước đầu tư vốn 100% để xây dựng hệ thống công thoát nước ở các khu dân cư và san lấp đối với các ao tù thuộc phần diện tích đất công, chi phí cho việc khảo sát, lập quy hoạch, xử lý các bãi rác hiện hữu và xây dựng bãi rác mới theo quy hoạch.

- Huy động nhân dân đóng góp kinh phí hoặc trực tiếp thực hiện việc san lấp ao tù nước đọng thuộc khuôn viên nhà mình và các ao tù nhỏ khác trong khu vực dân cư, xây dựng nhà vệ sinh hợp quy cách, đảm bảo thu được 100% phí vệ sinh từ các chủ nguồn thải nhằm phục vụ cho việc thu gom rác và thực hiện công trình phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường.

- Thực hiện Nhà nước và nhân dân cùng làm trong việc thực hiện nạo vét kênh, rạch khai thông dòng chảy, cải tạo và phát triển các ao hồ, diện tích mặt nước làm chức năng điều tiết nước trong các khu vực dân cư.

- Huy động đóng góp của tổ chức, cá nhân như khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng các công trình công cộng có kinh doanh hoặc không kinh doanh, san lấp ao tù từ nguồn nạo vét kênh rạch, khai thác cát trên địa bàn thành phố.

- Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện có vai trò hỗ trợ người dân vốn vay với chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Ngoài ra, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể huyện từ sự vận động tuyên truyền của mình có thể huy động sự đóng góp của xã hội tự nguyện thực hiện các nội dung trong đề án hoặc các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

3. Giải pháp về kỹ thuật: Tùy vào từng yêu cầu của dự án đầu tư các giải pháp kỹ thuật được đề ra phải đảm bảo khắc phục được tình trạng ô nhiễm môi trường, phục vụ được yêu cầu trước mắt cũng như đáp ứng lâu dài theo quy hoạch và chương trình ứng phó biến đổi khí hậu, có tính khả thi cao và tiết kiệm.

4. Giải pháp về quản lý Nhà nước:

4.1. Lập cơ chế quản lý kênh rạch thoát nước khu dân cư:

Trong giai đoạn sắp tới, việc bảo dưỡng và giữ nguyên hiện trạng của các sông, kênh, rạch có chức năng tiêu thoát nước là một trong những biện pháp để đảm bảo thoát nước hiệu quả trên các tuyến đường và khu dân cư. Tổ chức kiểm tra, rà soát lại toàn bộ hệ thống sông, kênh, rạch có chức năng tiêu thoát nước, đặc biệt là các tuyến sông, kênh, rạch có hệ thống cửa xả và thoát nước khu vực dân cư, từ đó có kế hoạch, biện pháp bảo dưỡng hàng năm nhằm phát huy hiệu quả tối đa chức năng của hệ thống thoát nước.

4.2. Tổ chức, quản lý thực hiện quy hoạch:

- Quy hoạch hệ thống thoát nước gắn với quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện.

- Quy hoạch bãi rác mới:

+ Quy hoạch 01 bãi rác mới cho toàn huyện;

+ Quy hoạch bãi rác mới cho từng khu vực liên xã, thị trấn.

+ Bên cạnh đó, việc quy hoạch bãi rác mới cũng phải kết hợp với việc áp dụng công nghệ xử lý rác tiên tiến, hợp vệ sinh.

- Gắn nội dung quy hoạch môi trường vào nội dung quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch chung về xây dựng và các quy hoạch ngành khác.

- Quản lý chặt chẽ các quỹ đất liên quan đến vấn đề thoát nước chống ngập và bảo vệ sông, rạch, không làm giảm diện tích mặt nước phục vụ cho tiêu thoát nước.

- Nghiên cứu quy hoạch và có kế hoạch sử dụng các khu vực điều tiết nước ở một số khu vực thoát nước để tạo tiền đề cho việc tiến đến triển khai rộng rãi trên toàn huyện. Triển khai xây dựng các khu dân cư mới phải gắn liền với quy hoạch thoát nước khu dân cư.

- Tăng cường công tác xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại các khu dân cư, cần xử phạt thật nghiêm các trường hợp gây ô nhiễm môi trường tại các khu dân cư theo Nghị định số 117/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

- Ngăn chặn hiệu quả tình trạng phát sinh các điểm ngập, ô nhiễm mới thông qua các công cụ mới về công nghệ quản lý kênh, rạch, hệ thống thoát nước, công cụ quản lý quy hoạch xây dựng để khoanh vùng trong quá trình đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu khi nước biển dâng: Cần Giờ có 7 xã, thị trấn đều có dân cư sinh sống ở vùng ven biển và ven các sông lớn nên khi mực nước biển dâng cao cùng với thiên tai kèm theo như bão, lụt sẽ gây ra những hậu quả hết sức nghiêm trọng đối với cơ sở hạ tầng tại các khu dân cư và đặc biệt đe dọa đến sinh mạng người dân. Do đó, về lâu dài cần có giải pháp để bảo vệ các khu dân cư như nâng cao cao độ đường; xây mới và nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển có xét đến tác động của biến đổi khí hậu (chịu được bão cấp 12 kết hợp nước biển dâng...); xây dựng đê bao khu dân cư, sản xuất có đầy đủ cơ sở hạ tầng phù hợp với tập quán và văn hóa của nhân dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

Căn cứ vào tình hình thực tế, các yêu cầu kỹ thuật, giải pháp về quản lý Nhà nước để xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công nêu trên cho khu dân cư thuộc xã, thị trấn. Khẩn trương phối hợp với các ban ngành liên quan xây dựng Đề án nông thôn mới tại các xã.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể huyện:

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể huyện căn cứ vào nội dung Đề án cụ thể là những nhiệm vụ và các giải pháp đã nêu để xây dựng kế hoạch thực hiện, phối hợp với chính quyền địa phương và các phòng, ban chức năng trong công tác vận động tuyên truyền, huy động sự đóng góp của xã hội trong việc thực hiện bảo vệ môi trường.

3. Các phòng ban chức năng huyện:

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với các hạng mục công trình đầu tư nếu được Ủy ban nhân dân huyện chấp thuận.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn lập báo cáo đầu tư đối với các công trình xây dựng cống thoát nước các khu dân cư thuộc Đề án.

- Xây dựng kế hoạch, thực hiện nội dung nhiệm vụ đã được phân công trong Đề án.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

Là cơ quan thường trực, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện đề án, phối hợp với các Đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo vệ môi trường tại các khu dân cư. Theo dõi và đôn đốc

các đơn vị thực hiện Đề án, báo cáo kịp thời Ủy ban nhân dân huyện các vướng mắc và khó khăn trong quá trình thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện tổ chức sơ kết theo từng năm và tổng kết nội dung đề án vào năm 2015.

5. Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện:

Xúc tiến việc đầu tư thùng rác và trang bị cho các khu dân cư trên địa bàn huyện Cần Giờ.

Để giải quyết dứt điểm tình hình ô nhiễm môi trường tại các khu dân cư trên địa bàn huyện, cần có một cơ chế quản lý chiến lược, sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên trên hết, vẫn là sự tuyên truyền vận động người dân địa phương, nâng cao ý thức cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2011-2015

Bảng: Hiện trạng môi trường, tại các khu dân cư và giải pháp kỹ thuật cải thiện ô nhiễm.

STT	Các khu dân cư	Hiện trạng môi trường	Giải pháp kỹ thuật ban đầu	Tổng vốn đầu tư (VNĐ)	Giải pháp kỹ thuật đề xuất hiện tại	Tiến độ thực hiện	Nguồn vốn thực hiện
1	An Phước (TTH)	Khu dân cư đã có hệ thống thoát nước chung ra sông Lòng Tàu. Nhưng riêng hệ thống cống giữa các ao tù hoạt động không hiệu quả do cao độ hệ thống thoát nước quá cao so với cao độ đáy các ao (khoảng từ 0.5-1m), nước trong các ao không thoát được gây ô nhiễm môi trường.	Tận dụng bùn từ các dự án nạo vét luồng Thị Vải – Soài Rạp (An Hòa: 6.030m ³ ; An Phước 26.400m ³) để san lấp các ao tù chống ô nhiễm môi trường	693.450.000	Nguyên nhân: Do có sự thay đổi trong quá trình thi công (tạm ngưng đổ bùn tại bãi đổ bùn số 3, xã Tam Thôn Hiệp theo Công văn số 77/QLDAĐTND của Ban Quản lý dự án đường thủy nội địa) nên phương án kỹ thuật ban đầu không thực hiện được. Biện pháp: San lấp các ao tù chống ô nhiễm môi trường tại khu vực, cải tạo hệ thống cống thoát nước không hiệu quả.	2011 - 2012	Nhà nước và nhân dân
2	An Hoà (TTH)			1.866.000.000			

3	Khu dân cư Giồng Ao cũ (Cần Thạnh)	Toàn khu dân cư chưa có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh. Các ao tù không thoát nước được gây ô nhiễm môi trường kết hợp với việc xả thải rác của các hộ dân xuống ao	Tận dụng bùn từ dự án nạo vét của khu neo đậu tàu thuyền trú bão do BQL Đầu tư xây dựng CT huyện làm CĐT sau khi đầm nén tại khu Cofidec để san lấp ao tù chống ô nhiễm môi trường. (Huy động vốn của nhân dân) Xây dựng hệ thống cống thoát nước (815md)	550.000.000	Nguyên nhân: Do chi phí vận chuyển khá cao nên người dân khu vực không thực hiện. Chi phí đầu tư cát san lấp là 130.000đ/m ³ trong khi đó tổng chi phí lấy đất tại khu đất Cofidec và vận chuyển đi san lấp là 170.000đ/m ³ . Biện pháp: San lấp các ao tù chống ô nhiễm môi trường tại khu vực, lắp đặt hệ thống cống thoát nước	2011 - 2012	Nhà nước và nhân dân
4	Khu vực Phòng Giáo dục cũ (Cần Thạnh)	Vùng trũng thuộc khu vực đất công và có rạch thoát nước ra cầu Cơ Khí nhưng bị bồi lấp và người dân lấn chiếm nên nước không thoát được, kết hợp với việc người dân xả rác gây ô nhiễm môi trường	Tiến hành nạo vét rạch hiện hữu (80md) nhằm thoát nước cho khu dân cư sau dãy 12 căn	10.000.000	Nạo vét	2011	Nhà nước 100%

5	<p>Rạch Sáu Nghệ</p> <p>Rạch Sáu Kiên</p> <p>Khu vực nhà Bà Hai Dừa (BK)</p>	<p>Các rạch này trước đây là rạch tự nhiên, có tác dụng thoát nước cho dân cư trong khu vực. Do các hộ dân hai bên rạch lấn chiếm, xả rác và bị bồi lấp nên không thoát nước được gây ô nhiễm môi trường</p>	<p>Nạo vét thông dòng, khơi thông dòng chảy, chống ô nhiễm môi trường khu dân cư. rạch Sáu Nghệ 130md, Rạch Sáu Kiên 300md, rạch Hai Dừa 100md</p>	<p>Rạch Sáu Nghệ: 58.500.000</p> <p>Rạch Sáu Kiên: 135.000.000</p> <p>Rạch Hai Dừa: 45.000.000</p>	<p>Nguyên nhân: Các đoạn rạch trên nay đã bị bồi lấp do các hộ dân hai bên bờ lấn chiếm, phương pháp nạo vét thông giòng không còn phù hợp.</p> <p>Biện pháp: San lấp các khu vực này và xây dựng hệ thống thoát nước cho toàn bộ khu vực</p>	<p>2011 - 2012</p>	
6	<p>Khu vực rạch Út Lâu (BK)</p>	<p>Là rạch tự nhiên, do các hộ dân hai bên rạch lấn chiếm, xả rác và bị bồi lấp hoàn toàn nên không thoát nước được.</p>	<p>San lấp rạch (huy động vốn của nhân dân).</p> <p>Xây dựng hệ thống thoát nước (150md) kết nối với hệ thống cống U cấp đường BTXM hiện hữu thoát ra rạch Lấp Vòi</p>	<p>195.000.000</p>	<p>San lấp và xây dựng hệ thống thoát nước</p>	<p>2011 - 2012</p>	<p>Nhà nước và nhân dân</p>
7	<p>Khu nhà ông Liệt (BK)</p>	<p>Trước đây là vùng trũng, có rạch thoát nước tự nhiên, các hộ dân đã san lấp nhưng do địa hình trũng, không có đường thoát nước nên gây ngập úng gây ô nhiễm môi trường.</p>	<p>Các hộ dân đã thống nhất trả lại phần đất đã san lấp lấn chiếm để tiến hành xây dựng hệ thống cống thoát nước (210md) xả ra rạch ông Ba Chợ</p>	<p>105.000.000</p>	<p>San lấp và xây dựng hệ thống thoát nước.</p>	<p>2012- 2012</p>	

8	Khu dân cư Bà Xán (BK)	Ao tù thuộc 1 phần đất công và đất của dân kết hợp với việc người dân xả rác gây ô nhiễm. Khu dân cư không có hệ thống thoát nước.	San lấp ao tù (4.500m ³)	585.000.000	San lấp ao tù kết hợp xây dựng hệ thống thoát nước cho khu dân cư.	2011 - 2012	Nhà nước và nhân dân
9	Chà Là (Xã LH)	Khu dân cư đã có hệ thống thoát nước. Các ao tù hình thành do dân lấy đất để đắp nền nhà, gây ô nhiễm môi trường.	San lấp các ao tù (18.302m ³), Lắp đặt thùng rác và thành lập tổ thu gom rác dân lập	3.500.000.000 (Đang trình báo cáo KTKT)	San lấp các ao tù.	2011 - 2012	Nhà nước và nhân dân
10	Hòa Hiệp (Xã LH)	04 ao tù dt 85m x 20m gây ô nhiễm môi trường; chưa có hệ thống công thoát nước; người dân còn sử dụng nhà vệ sinh lộ thiên.	San lấp các ao tù (huy động nguồn vốn từ nhân dân), xây dựng hệ thống thoát nước (757m ³), triển khai xây dựng hệ thống thu gom rác dân lập và tăng số lượng thùng chứa rác	4.500.000.000 (Đang trình báo cáo KTKT)	San lấp các ao tù và kết hợp xây dựng hệ thống thoát nước.	2011 - 2012	Nhà nước và nhân dân
11	Tổ 5, 6 ấp Đồng Tranh (Xã LH)	Các hộ dân lấn chiếm rạch, san lấp làm nhà vệ sinh, làm rạch bị tắc nghẽn không thoát nước được gây ô nhiễm môi trường; khu dân cư chưa có hệ thống thoát nước.	San lấp mặt bằng (2.700m ³), lắp đặt hệ thống công thoát nước, giải toả các nhà vệ sinh trên rạch.	1.300.000.000 (Đang trình báo cáo KTKT)	San lấp ao tù kết hợp đặt công thoát nước.	2011 - 2012	Nhà nước 100%

12	An Bình (ATĐ)	Rạch tự nhiên bị các hộ dân hai bên bờ lấn chiếm, xả rác xuống sông cản trở dòng chảy, gây ô nhiễm môi trường.	San lấp kênh rạch bồi lắng gây ô nhiễm khu dân cư (ấp An Hòa 500md và ấp An Bình 200md)	170.000.000	San lấp ao tù kết hợp đặt cống thoát nước.	2012 - 2013	Nhà nước 100%
13	An Hòa (ATĐ)			900.000.000		2012 - 2013	Nhà nước 100%
14	Tắc Cá Cháy (ATĐ)	Chưa có hệ thống thoát nước và tổ thu gom rác dân lập.	Xây dựng hệ thống thoát nước (2.659md) và thành lập đội thu gom rác dân lập	2.000.000.000	Xây dựng hệ thống thoát nước.	2011	Nhà nước 100%
15	Khu ấp Lý Thái Bửu (LN)	- Khu ao nhà ông Bằng - Khu ao nhà ông Mười Có một phần đất công (ao tù) da beo tại khu dân cư, xung quanh chưa có hệ thống thoát nước. Vào mùa mưa, nước không thoát được gây ô nhiễm môi trường cả khu dân cư	San lấp ao tù kết hợp đặt cống thoát nước (600m ³ san lấp khu ao nhà anh Bằng, 900m ³ khu nhà ông Mười).	- Khu ao nhà ông Bằng 78.000.000 - Khu ao nhà ông Mười 117.000.000	San lấp ao tù kết hợp đặt cống thoát nước.	2012 - 2013	Nhà nước và nhân dân

16	Áp Lý Hòa Hiệp (LN)	<ul style="list-style-type: none"> - Khu ao tù trước ban áp Lý Hoà Hiệp - Khu ao tù phía sau nhà ông Được - Khu ao phía trước nhà thầy Hải - Khu ao tù trước cổng trường Tiểu học Vàm Sát - Hệ thống cống thoát nước <p>Ao tù (đất công) không có cống thoát nước nên nước bị ứ lại, không thoát được, rất ô nhiễm vào mùa mưa, gây mất mỹ quan đô thị</p>	<p>San lấp ao tù kết hợp đặt cống thoát nước (300m³ khu ao trước ban áp Lý Hòa Hiệp, 1600m³ Khu ao tù phía sau nhà ông Được, 600m³ Khu ao phía trước nhà ông Hải, 300m³ Khu ao tù trước cổng trường Tiểu học Vàm Sát, 1200md tổng chiều dài hệ thống cống thoát nước).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khu ao tù trước ban áp Lý Hòa Hiệp 39.000.000 - Khu ao tù phía sau nhà ông Được 208.000.000 - Khu ao phía trước nhà ông Hải 78.000.000 - Khu ao tù trước cổng Trường tiểu học Vàm Sát 39.000.000 - Hệ thống cống thoát nước 133.228.200 	San lấp ao tù kết hợp đặt cống thoát nước.	2012 - 2013	Nhà nước 100%
17	Trên toàn địa bàn				Quy hoạch hệ thống thoát nước	2013 - 2015	
Tổng cộng		17.305.178.200 đồng					

CHƯƠNG TRÌNH LỒNG GHÉP				
STT	Khu dân cư	Giải pháp	Tiến độ	Vốn thực hiện
18	Đảm bảo chỉ tiêu 100% hộ dân trên toàn địa bàn huyện đều có hố xí hợp vệ sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Cường chế các nhà vệ sinh trên kênh rạch và có biện pháp chế tài với các đối tượng hộ dân vay vốn từ các chương trình xây dựng nhà vệ sinh, nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn của Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện và Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Cần Giờ nhưng lại không xây dựng nhà vệ sinh tự hoại. - Xử phạt vi phạm hành chính theo hướng dẫn của Nghị định số 117/2010/NĐ-CP đối với các hành vi xây dựng nhà vệ sinh không hợp quy cách. 	2011	
19	Đảm bảo 100% các khu dân cư đều có Tổ thu gom rác dân lập	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thành lập thêm các tổ thu gom rác dân lập tại các khu dân cư chưa có tổ thu gom rác, để hạn chế việc xả, vứt rác bừa bãi tại các khu dân cư và kênh, rạch làm tắc nghẽn dòng chảy gây ô nhiễm môi trường, vận động các hộ dân giao rác cho tổ thu gom rác dân lập và thực hiện đóng phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường đối với rác sinh hoạt. - Thực hiện biện pháp chế tài đối với các hành vi xả, vứt rác bừa bãi tại các khu dân cư và không đóng phí vệ sinh đối với rác sinh hoạt. 	2011	
20	Hoàn chỉnh việc xây dựng Đề án Nông thôn mới	Ưu tiên đối với xã Tam Thôn Hiệp, Bình Khánh.	2011	
21	Xây dựng cơ chế quản lý các sông rạch trên địa bàn huyện	Xử lý triệt để các trường hợp lấn chiếm kênh, rạch.	2011	

22	Hoàn thiện việc xây dựng đề án nông thôn mới tại các xã còn lại	Đề giải quyết các chỉ tiêu về môi trường tại các khu dân cư.	2012 - 2013	Vốn nông thôn mới
23	Hoàn thiện các vấn đề còn lại của Đề án cải thiện, xử lý ô nhiễm môi trường.	Tiếp tục giải quyết ô nhiễm môi trường phát sinh tại các khu dân cư	2013 - 2015	
24	Lập quy hoạch và xây dựng các khu dân cư	Đảm bảo tính năng thoát nước của các khu dân cư	2013 - 2015	
25	Xây dựng các giải pháp thực hiện ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển dâng		2013 - 2015	
26	Tuyên truyền bảo vệ môi trường	Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phối hợp với các đoàn thể xã, thị trấn tuyên truyền sâu và rộng đến các hộ dân địa phương cùng tham gia bảo vệ môi trường.	2011 - 2015	
27	Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện	Báo cáo kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện	2013 - 2015	

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng